

Hà Nội, ngày 17. tháng 10 năm 2025

**YÊU CẦU BÁO GIÁ**  
**Về việc báo giá đồ vải y tế năm 2025**

Kính gửi: Các đơn vị, nhà cung cấp.

Trước hết Bệnh viện Quân y 103 xin trân trọng cảm ơn sự phối hợp, hợp tác của các đơn vị, nhà cung cấp với Bệnh viện trong suốt thời gian qua.

Hiện nay, Bệnh viện có nhu cầu mua sắm đồ vải y tế năm 2025, để có cơ sở lập dự toán, kế hoạch mua sắm Bệnh viện kính mời các đơn vị có khả năng cung cấp đồ vải y tế gửi báo giá về Bệnh viện Quân y 103 theo các thông tin sau:

1. Danh mục, số lượng, chất lượng hàng hóa (*chi tiết tại Phụ lục đính kèm*).
2. Hồ sơ báo giá
  - 2.1. Nội dung báo giá
    - Tên, nhãn hiệu sản phẩm, đơn vị tính, số lượng, đơn giá (đã bao gồm thuế, chi phí vận chuyển, bốc xếp, giao hàng,.....) tại Bệnh viện Quân y 103, số 261 đường Phùng Hưng, phường Hà Đông, TP Hà Nội.
    - Bảng báo giá kèm thông tin mô tả thông số kỹ thuật hàng hóa.
  - 2.2. Hồ sơ năng lực của nhà thầu:
    - Giấy đăng ký kinh doanh.
    - Quyết định trúng thầu, Hợp đồng cung cấp hàng hóa về quân trang đồ vải y tế (*nếu có*).
    - Giấy chứng nhận, bản công bố chất lượng sản phẩm hàng hóa.
3. Thời gian nhận báo giá: Bắt đầu kể từ ngày ra thông báo đến hết ngày ..../10/2025 (hoặc khi nhận đủ báo giá theo quy định).
4. Phương thức báo giá: Báo giá gửi trực tiếp hoặc qua đường công văn, bưu điện.
5. Địa điểm nhận báo giá: Phòng Hậu cần – Kỹ thuật/Bệnh viện Quân y 103 (Phạm Hồng Phong; SĐT: 0974455469). Địa chỉ: số 261 đường Phùng Hưng, phường Hà Đông, TP Hà Nội.

Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý đơn vị.!

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Ban Tài chính;
- Lưu: VT, HCKT. P04.



**GIÁM ĐỐC**

**Thiếu tướng Lương Công Thúc**



## DANH MỤC HÀNG HÓA YÊU CẦU BÁO GIÁ

(Kèm theo Yêu cầu báo giá ngày 17/10/2025 của Bệnh viện Quân y 103)

TT	Danh mục hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
1	Áo chăm sóc bệnh nhân	Cái	447	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu vải: Vải thô biên đỏ hoặc tương đương</li> <li>- Màu sắc: Màu vàng nhạt</li> <li>- Kiểu dệt: Vân điểm</li> <li>- Thành phần: nguyên liệu (%): Polyester: <math>87 \pm 1</math>; cotton: <math>13 \pm 1</math></li> <li>- Khối lượng: <math>175 \pm 5</math> (g/m<sup>2</sup>).</li> <li>- Mật độ: Dọc: <math>280 \pm 5</math>, ngang: <math>243 \pm 5</math>.</li> <li>- Độ bền xé rách: Dọc (N): <math>35,8 \pm 0,5</math>, Ngang (N): <math>28,2 \pm 0,5</math>.</li> <li>- Độ bền kéo đứt: Dọc (N): <math>1252 \pm 2</math>, Ngang (N): <math>1036 \pm 2</math>.</li> <li>- Độ nhỏ sợi tách từ vải: Dọc (Ne): <math>19,3/1 \pm 1</math>; Ngang (Ne): <math>19,4/1 \pm 1</math></li> <li>- Độ bền màu giặt 60°C (cấp): 4-5</li> <li>- Thay đổi kích thước sau giặt 60°C và làm khô(%) : Dọc: -0,5; Ngang: -0,5</li> <li>- Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h</li> <li>- Kích thước: Cắt may theo cỡ số 2,3,4.</li> <li>- Kiểu dáng: Áo Blouse cổ tròn, cài cúc giữa, dài tay, chiều dài áo dưới gõ 3-5cm, phía sau xẻ giữa tới ngang hông (Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT của Bộ Y tế).</li> <li>- In: In lưới chữ "BỆNH VIỆN QUÂN Y 103" hình vòng cung (ĐK 8cm) và chữ "CHĂM SÓC BỆNH NHÂN" dưới vòng cung; màu đỏ; vị trí in ở ngực trái. In logo Bệnh viện Quân y 103 ở ống tay trái, gần vai.</li> </ul>

TT	Danh mục hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
2	Quần áo bệnh nhân kẻ	Bộ	2.234	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu vải: Vải thô hoặc tương đương</li> <li>- Màu sắc: Màu xanh dương</li> <li>- Kiểu dệt: Vân điểm</li> <li>- Thành phần: nguyên liệu (%):Polyester: <math>65 \pm 1</math>; cotton: <math>35 \pm 1</math></li> <li>- Khối lượng: <math>114 \pm 5</math> (g/m<sup>2</sup>).</li> <li>- Mật độ: Dọc: <math>595 \pm 5</math>, ngang: <math>330 \pm 5</math>.</li> <li>- Độ bền màu giặt 60<sup>0</sup>C (cấp): 4-5</li> <li>- Thay đổi kích thước sau giặt 60<sup>0</sup>C và làm khô(%): Dọc: -1,0; Ngang: -1,0</li> <li>- Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h</li> <li>- Kích thước: Cắt may theo cỡ số 2, 3, 4</li> <li>- Kiểu dáng: Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT của Bộ Y tế.</li> <li>- In: In chữ “BỆNH VIỆN QUÂN Y 103” hình vòng cung (ĐK 8cm) và chữ “NGƯỜI BỆNH” dưới vòng cung; màu đỏ; vị trí in ở ngực trái.</li> </ul>
3	Quần áo bệnh nhân truyền nhiễm	Bộ	432	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu vải: Vải thô biên đỏ hoặc tương đương</li> <li>- Màu sắc: Màu xanh hòa bình.</li> <li>- Kiểu dệt: Vân điểm</li> <li>- Thành phần: nguyên liệu (%):Polyester: <math>65 \pm 1</math>; cotton: <math>35 \pm 1</math></li> <li>- Khối lượng: <math>162 \pm 5</math> (g/m<sup>2</sup>).</li> <li>- Mật độ: Dọc: <math>308 \pm 5</math>, ngang: <math>228 \pm 5</math>.</li> <li>- Độ bền xé rách: Dọc (N): <math>47,0 \pm 0,5</math>, Ngang (N): <math>46,1 \pm 0,5</math>.</li> <li>- Độ nhỏ sợi tách từ vải: Dọc (Ne): <math>45,3/2 \pm 1</math>; Ngang (Ne): <math>43,0/2 \pm 1</math></li> <li>- Độ bền màu giặt 60<sup>0</sup>C (cấp): 4-5</li> <li>- Thay đổi kích thước sau giặt 60<sup>0</sup>C và làm khô(%): Dọc: -1,5; Ngang: -0,5</li> <li>- Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h</li> <li>- Kích thước: Cắt may theo cỡ số 2, 3, 4</li> <li>- Kiểu dáng: Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT của Bộ Y tế.</li> <li>- In: In chữ “BỆNH VIỆN QUÂN Y 103” hình vòng cung (ĐK 8 cm) và chữ “NGƯỜI BỆNH” dưới vòng cung; màu đỏ; vị trí in ở ngực trái.</li> </ul>

TT	Danh mục hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
4	Váy sản liền	Cái	88	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu vải: Vải kate hoặc tương đương</li> <li>- Màu sắc: Kẻ caro màu xanh, tím, trắng</li> <li>- Thành phần: nguyên liệu (%): 100% cotton</li> <li>- Khối lượng: 115 ±5 (g/m<sup>2</sup>).</li> <li>- Mật độ: Dọc: 755±5, ngang: 432±5.</li> <li>- Độ bền xé rách: Dọc (N): 5,2±0,5, Ngang (N): 4,3±0,5.</li> <li>- Độ bền kéo đứt: Dọc (N): 625±5, Ngang (N): 279±5.</li> <li>- Độ nhỏ sợi tách từ vải: Dọc (Ne): 65,3/1±1; Ngang (Ne): 70,4/1±1</li> <li>- Độ vón gút sau 10800 vòng quay (Cấp): 4</li> <li>- Độ bền màu giặt 40<sup>0</sup>C (cấp): 4-5</li> <li>- Thay đổi kích thước sau giặt 40<sup>0</sup>C và làm khô(%) : Dọc: -2,5; Ngang: +1,0</li> <li>- Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h</li> <li>- Kích thước: Cắt may theo cỡ số 3,4.</li> <li>- Kiểu dáng: Dáng suông, rộng tối thiểu phần trên 45 cm, phần dưới 65 cm, dài tối thiểu 100 cm, váy cổ tim chui đầu, không túi, xẻ tà hai bên, chiều dài tà 30 cm. Phần ngực váy hai bên khoét lỗ hình bán nguyệt theo chiều dọc, kích thước khoét lỗ chiều ngang 10cm, chiều dài cạnh hai bên 5cm, chiều dọc lỗ 10cm; Phía trên lỗ khoét may đai che lỗ, kích thước đai dài 16cm, chiều dài cạnh hai bên 8cm, chiều dài đến đỉnh đai 12cm. Đính 01 cúc cài chính giữa, cách mép lỗ 08 cm; 01 cúc cài ở cạnh phải, dưới phần đáy lỗ, cách đáy lỗ 01 cm; Đính 02 cúc bấm ở phần đai, tương ứng các cúc cài ở phần trên và phần dưới đáy lỗ. Đính cúc cài ở phần dưới lỗ. Đính dây buộc hai bên váy, cách phần dưới ống tay áo 20cm, may bằng vải cùng màu với 02 lớp vải, kích thước rộng tối thiểu 0,5 cm, chiều dài tối thiểu đạt 40cm.</li> <li>- Màu sắc: Kẻ caro màu xanh, tím, trắng</li> </ul>

TT	Danh mục hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
5	Chân váy	Cái	152	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu vải: Vải phin hoa hoặc tương đương</li> <li>- Thành phần: nguyên liệu (%): 100% cotton</li> <li>- Kiểu dệt: vằn điểm</li> <li>- Khối lượng: <math>150 \pm 5</math> (g/m<sup>2</sup>).</li> <li>- Mật độ: Dọc: <math>240 \pm 5</math>, ngang: <math>240 \pm 5</math>.</li> <li>- Kiểu dáng: Kiểu dáng váy suông, đường kính gấu váy <math>80 \pm 10</math> cm, dài <math>90 \pm 10</math> cm.</li> </ul>
6	Ga trải giường	Cái	2.471	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu vải: Vải thô biên đỏ hoặc tương đương</li> <li>- Màu sắc: Màu trắng</li> <li>- Kiểu dệt: Vân điểm</li> <li>- Thành phần: nguyên liệu (%): Polyester: <math>87 \pm 1</math>; cotton: <math>13 \pm 1</math></li> <li>- Khối lượng: <math>212 \pm 5</math> (g/m<sup>2</sup>).</li> <li>- Mật độ: Dọc: <math>408 \pm 5</math>, ngang: <math>198 \pm 5</math>.</li> <li>- Độ bền xé rách: Dọc (N): <math>77,5 \pm 0,5</math>, Ngang (N): <math>40,1 \pm 0,5</math>.</li> <li>- Độ nhỏ sợi tách từ vải: Dọc (Ne): <math>18,8/1 \pm 1</math>; Ngang (Ne): <math>17,9/1 \pm 1</math></li> <li>- Độ vót gút sau 7200 vòn quay (cấp): 4</li> <li>- Độ bền màu giặt 60°C (cấp): 4-5</li> <li>- Thay đổi kích thước sau giặt 60°C và làm khô(%) : Dọc: -1,0; Ngang: 0</li> <li>- Độ thoáng khí tại 125Pa (cm<sup>3</sup>/s/cm<sup>2</sup>): 3,3</li> <li>- Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h</li> <li>- Kích thước: 1,48 x 2,5 m</li> <li>- In lưới chữ “BỆNH VIỆN QUÂN Y 103”, hình vòng cung (ĐK 8cm). Vị trí in ở góc phải của sản phẩm.</li> </ul>

TT	Danh mục hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
7	Vỏ chăn	Cái	1.341	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu vải: Vải thô biên đỏ hoặc tương đương</li> <li>- Màu sắc: Màu trắng</li> <li>- Kiểu dệt: Vân điểm</li> <li>- Thành phần: nguyên liệu (%): Polyester: <math>87 \pm 1</math>; cotton: <math>13 \pm 1</math></li> <li>- Khối lượng: <math>212 \pm 5</math> (g/m<sup>2</sup>).</li> <li>- Mật độ: Dọc: <math>408 \pm 5</math>, ngang: <math>198 \pm 5</math>.</li> <li>- Độ bền xé rách: Dọc (N): <math>77,5 \pm 0,5</math>, Ngang (N): <math>40,1 \pm 0,5</math>.</li> <li>- Độ nhỏ sợi tách từ vải: Dọc (Ne): <math>18,8/1 \pm 1</math>; Ngang (Ne): <math>17,9/1 \pm 1</math></li> <li>- Độ vót gút sau 7200 vòn quay (cấp): 4</li> <li>- Độ bền màu giặt 60°C (cấp): 4-5</li> <li>- Thay đổi kích thước sau giặt 60°C và làm khô(%) : Dọc: -1,0; Ngang: 0</li> <li>- Độ thoáng khí tại 125Pa (cm<sup>3</sup>/s/cm<sup>2</sup>): 3,3</li> <li>- Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h</li> <li>- Kích thước: 1,48 x 2,1m.</li> <li>- In lưới chữ “BỆNH VIỆN QUÂN Y 103”, hình vòng cung (ĐK 8cm). Vị trí in ở góc sản phẩm.</li> </ul>
8	Ruột chăn stanh	Cái	124	<ul style="list-style-type: none"> <li>* Vỏ chăn: Chất liệu vải thô, phin bóng hoặc tương đương.</li> <li>- Thành phần: nguyên liệu (%): Polyester: <math>51 \pm 1</math>; cotton: <math>49 \pm 1</math></li> <li>- Khối lượng: <math>143 \pm 5</math> (g/m<sup>2</sup>).</li> <li>- Mật độ: Dọc: <math>570 \pm 5</math>, ngang: <math>410 \pm 5</math>.</li> <li>- Độ bền kéo đứt: Dọc (N): <math>779 \pm 2</math>, Ngang (N): <math>538 \pm 0,5</math>.</li> <li>- Độ bền màu giặt 40°C (cấp): 4-5</li> <li>- Thay đổi kích thước sau giặt 40°C và làm khô(%) : Dọc: -1,5; Ngang: -1,5</li> <li>* Ruột chăn: Bông hóa học hoặc chất liệu tương đương</li> <li>- Kích thước, kiểu dáng: Kích thước: 1,48 x 2,1 m, độ dày chăn bông <math>\geq 4</math> cm, Trọng lượng <math>\geq 1,6</math> kg. May chân các đường chỉ máy, hình tròn ô quả trám kích thước 12cm.</li> </ul>

TT	Danh mục hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
9	Áo choàng mổ	Cái	1.423	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu vải: Vải Gabadin Peco hoặc tương đương</li> <li>- Màu sắc: Màu xanh tím</li> <li>- Kiểu dệt: Vân chéo 3/1</li> <li>- Thành phần: nguyên liệu (%): Polyester: 65±1; cotton: 35±1</li> <li>- Khối lượng: 225 ±5 (g/m<sup>2</sup>).</li> <li>- Mật độ: Dọc: 464±5, ngang: 226±5.</li> <li>- Độ bền xé rách: Dọc (N): 60,4±0,5, Ngang (N): 45,9±0,5.</li> <li>- Độ bền kéo đứt: Dọc (N): 1748±2, Ngang (N): 706±2.</li> <li>- Độ nhỏ sợi tách từ vải: Dọc (Ne): 20,2/1±1; Ngang (Ne): 19,5/1±1</li> <li>- Độ bền màu giặt 60<sup>0</sup>C (cấp): 4-5</li> <li>- Thay đổi kích thước sau giặt 60<sup>0</sup>C và làm khô(%) : Dọc: -1,0; Ngang: -0,5</li> <li>- Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h</li> <li>- Kích thước: Cắt may theo cỡ số 2, 3, 4.</li> <li>- Kiểu dáng: Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT của Bộ Y tế.</li> <li>- In lưới chữ “BỆNH VIỆN QUÂN Y 103” hình vòng cung ĐK 10cm và chữ “PHÒNG MỔ” dưới vòng cung, màu đỏ, ở ngực trái.</li> </ul>
10	Quần áo lót mổ	Bộ	1.003	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu vải: Vải thô hoặc tương đương</li> <li>- Màu sắc: Màu xanh</li> <li>- Kiểu dệt: Vân điểm</li> <li>- Thành phần: nguyên liệu (%): Polyester: 87±1; cotton: 13±1</li> <li>- Khối lượng: 204 ±5 (g/m<sup>2</sup>).</li> <li>- Mật độ: Dọc: 412±5, ngang: 204±5.</li> <li>- Độ bền xé rách: Dọc (N): 37,4±0,5, Ngang (N): 22,9±0,5.</li> <li>- Độ bền kéo đứt: Dọc (N): 1631±2, Ngang (N): 709±2.</li> <li>- Độ nhỏ sợi tách từ vải: Dọc (Ne): 20,0/1±1; Ngang (Ne): 19,8/1±1</li> <li>- Độ bền màu giặt 60<sup>0</sup>C (cấp): 4-5</li> </ul>

TT	Danh mục hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thay đổi kích thước sau giặt 60<sup>0</sup>C và làm khô(%) : Dọc: -0,5; Ngang: -0,5</li> <li>- Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h</li> <li>- Kích thước: Cắt may theo cỡ số 2,3,4.</li> <li>- Kiểu dáng: Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT của Bộ Y tế (Áo cổ tim chui đầu, phía trước có 3 túi; quần tây túi chéo, cạp chun 2 bên. Mũ, mạng).</li> <li>- In: Lưới chữ “BỆNH VIỆN QUÂN Y 103” hình vòng cung và chữ “PHÒNG MỎ” dưới vòng cung; màu vàng; vị trí in ở ngực trái (ĐK 10cm) và sau lưng (ĐK 15cm).</li> </ul>
11	Quần nội soi	Cái	200	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu vải: Vải kate hoặc tương đương</li> <li>- Màu sắc: Kẻ caro màu xanh, tím, trắng</li> <li>- Thành phần: nguyên liệu (%): 100% cotton</li> <li>- Khối lượng: 115 ±5 (g/m<sup>2</sup>).</li> <li>- Mật độ: Dọc: 755±5, ngang: 432±5.</li> <li>- Độ bền xé rách: Dọc (N): 5,2±0,5, Ngang (N): 4,3±0,5.</li> <li>- Độ bền kéo đứt: Dọc (N): 625±5, Ngang (N): 279±5.</li> <li>- Độ nhỏ sợi tách từ vải: Dọc (Ne): 65,3/1±1; Ngang (Ne): 70,4/1±1</li> <li>- Độ vón gút sau 10800 vòng quay (Cấp): 4</li> <li>- Độ bền màu giặt 40<sup>0</sup>C (cấp): 4-5</li> <li>- Thay đổi kích thước sau giặt 40<sup>0</sup>C và làm khô(%) : Dọc: -2,5; Ngang: +1,0</li> <li>- Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h</li> <li>- Kiểu dáng quần suông, chiều dài ống quần ≥95cm. Chiều rộng ống phía trên (ngang đũng) ≥33cm, phía dưới ≥ 28cm. Chiều dài từ cạp đến đũng quần từ 28-30cm. Kiểu cạp chun, có dây buộc dự phòng. Phía trước khoét lỗ hình quả trám, chiều rộng lỗ ≤05cm, chiều dài lỗ từ 22-23cm mép trên lỗ cách cạp quần trên 05cm, mép dưới lỗ cách đũng quần 02cm. Phía trên lỗ đỉnh vải che kích thước 18x30cm.</li> </ul>
12	Săng 0,8 x 0,8 m	Cái	2.071	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu vải: Vải kaki hoặc tương đương</li> <li>- Màu sắc: Màu xanh cỏ vịt</li> </ul>
13	Săng lỗ 0,8 x 0,8 m	Cái	1.837	
14	Săng 1,0 x1,0 m	Cái	1.690	

TT	Danh mục hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
15	Săng 1,2 x 1,4 m	Cái	1.203	- Kiểu dệt: Vân chéo 3/1
16	Săng 1,2 x 2,3 m	Cái	371	- Thành phần: nguyên liệu (%): 100% cotton
17	Săng 1,5 x 1,8 m	Cái	866	- Khối lượng: $296 \pm 5$ (g/m <sup>2</sup> ). - Mật độ: Dọc: $450 \pm 5$ , ngang: $216 \pm 5$ . - Độ bền xé rách: Dọc (N): $16,5 \pm 0,5$ , Ngang (N): $22,6 \pm 0,5$ . - Độ nhỏ sợi tách từ vải: Dọc (Ne): $21,3/1 \pm 1$ ; Ngang (Ne): $10,2/1 \pm 1$ - Độ bền màu giặt 60°C (cấp): 4 - Thay đổi kích thước sau giặt 40°C và làm khô(%) : Dọc: -6,5; Ngang: -1,5 - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h
18	Săng lỗ 1,5 x 1,8 m	Cái	549	- Kích thước: Theo thông số kích thước tên sản phẩm. - May gấp mép xung quanh, mép vải giấu phía trong, chiều rộng mép gấp: 0,8cm. - Đối với sàng lỗ KT 0,8 x 0,8 m được khoét lỗ đường kính 8cm ở chính giữa và may gấp mép bo viền, chiều rộng viền 0,8cm. Đối với sàng lỗ KT $\geq 1$ m được khoét lỗ hình bầu dục đường kính 15 x 20 cm ở chính giữa và may gấp mép bo viền, chiều rộng viền 0,8cm. - In lưới chữ "BỆNH VIỆN QUÂN Y 103", hình vòng cung (ĐK 8cm), ở góc trên bên phải sản phẩm.
19	Săng 1,0 x 1,2 m trắng	Cái	68	- Chất liệu vải: Vải kaki hoặc tương đương - Màu sắc: Màu trắng - Kiểu dệt: Vân chéo 3/1 - Thành phần: nguyên liệu (%): 100% cotton - Khối lượng: $295 \pm 5$ (g/m <sup>2</sup> ). - Mật độ: Dọc: $466 \pm 5$ , ngang: $198 \pm 5$ . - Độ bền xé rách: Dọc (N): $30,1 \pm 0,5$ , Ngang (N): $14,7 \pm 0,5$ . - Độ nhỏ sợi tách từ vải: Dọc (Ne): $20,4/1 \pm 1$ ; Ngang (Ne): $20,3/1 \pm 1$ - Độ vón gút sau 7200 vòng quay (Cấp): 4 - Độ bền màu giặt 60°C (cấp): 4-5 - Thay đổi kích thước sau giặt 40°C và làm khô(%) : Dọc: -2,0; Ngang: -2,0 - Độ thoáng khí tại 125Pa (cm <sup>3</sup> /s/cm <sup>2</sup> ): 22

TT	Danh mục hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h</li> <li>- Kích thước: 1,0 x 1,2 m.</li> <li>- May gấp mép xung quanh, chiều rộng mép gấp: 0,8cm.</li> <li>- In lưới chữ “BỆNH VIỆN QUÂN Y 103”, hình vòng cung (ĐK 8cm), ở góc trên bên phải sản phẩm.</li> </ul>
20	Săng ống	Cái	23	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu vải: Vải kaki hoặc tương đương</li> <li>- Màu sắc: Màu trắng</li> <li>- Kiểu dệt: Vân chéo 3/1</li> <li>- Thành phần: nguyên liệu (%): 100% cotton</li> <li>- Khối lượng: <math>295 \pm 5</math> (g/m<sup>2</sup>).</li> <li>- Mật độ: Dọc: <math>466 \pm 5</math>, ngang: <math>198 \pm 5</math>.</li> <li>- Độ bền xé rách: Dọc (N): <math>30,1 \pm 0,5</math>, Ngang (N): <math>14,7 \pm 0,5</math>.</li> <li>- Độ nhỏ sợi tách từ vải: Dọc (Ne): <math>20,4/1 \pm 1</math>; Ngang (Ne): <math>20,3/1 \pm 1</math></li> <li>- Độ vón gút sau 7200 vòng quay (Cấp): 4</li> <li>- Độ bền màu giặt 60<sup>0</sup>C (cấp): 4-5</li> <li>- Thay đổi kích thước sau giặt 40<sup>0</sup>C và làm khô(%) : Dọc: -2,0; Ngang: -2,0</li> <li>- Độ thoáng khí tại 125Pa (cm<sup>3</sup>/s/cm<sup>2</sup>): 22</li> <li>- Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h</li> <li>- Kiểu dáng: Dạng ống</li> <li>- Kích thước: Đường kính đầu trên 45 cm; Đường kính đầu dưới 35 cm; dài <math>90 \pm 5</math> cm.</li> </ul>
21	Áo chụp XQ	Cái	300	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu vải: Vải thô hoặc tương đương</li> <li>- Màu sắc: Màu xanh</li> <li>- Kiểu dệt: Vân đằm</li> <li>- Thành phần: nguyên liệu (%): Polyester: <math>87 \pm 1</math>; cotton: <math>13 \pm 1</math></li> <li>- Khối lượng: <math>204 \pm 5</math> (g/m<sup>2</sup>).</li> <li>- Mật độ: Dọc: <math>412 \pm 5</math>, ngang: <math>204 \pm 5</math>.</li> <li>- Độ bền xé rách: Dọc (N): <math>37,4 \pm 0,5</math>, Ngang (N): <math>22,9 \pm 0,5</math>.</li> </ul>

TT	Danh mục hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ bền kéo đứt: Dọc (N): 1631±2, Ngang (N): 709±2.</li> <li>- Độ nhỏ sợi tách từ vải: Dọc (Ne): 20,0/1±1; Ngang (Ne): 19,8/1±1</li> <li>- Độ bền màu giặt 60°C (cấp): 4-5</li> <li>- Thay đổi kích thước sau giặt 60°C và làm khô (%) : Dọc: -0,5; Ngang: -0,5</li> <li>- Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h</li> <li>- Kích thước: Cắt may theo cỡ số 4.</li> <li>- Kiểu dáng: Theo TT 45/2015/TT-BYT của Bộ Y tế (Áo cổ tím chui đầu, không túi).</li> <li>- In: Lưới chữ “BỆNH VIỆN QUÂN Y 103” hình vòng cung (Đường kính 15 cm) và chữ “ÁO CHỤP XQ” dưới vòng cung; màu vàng (dài 13 cm); vị trí in ở chính giữa sau lưng áo.</li> </ul>
22	Dây cổ định bệnh nhân	Cái	50	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu vải: Vải kaki hoặc tương đương</li> <li>- Màu sắc: Màu ghi sáng</li> <li>- Kiểu dệt: Vân chéo 3/1</li> <li>- Thành phần: nguyên liệu (%): 100% cotton</li> <li>- Khối lượng: 313 ±5 (g/m<sup>2</sup>).</li> <li>- Mật độ: Dọc: 338±5, ngang: 230±5.</li> <li>- Độ bền màu giặt 60°C (cấp): 4</li> <li>- Thay đổi kích thước sau giặt 40°C và làm khô(%): Dọc: -6,0; Ngang: -2,5</li> <li>- Kích thước: Dài 2,5m, rộng 0,04m; trong đó 1,6m ở giữa chần bông dày 0,02m, hai đầu dây không chần bông, may 02 lớp vải, mép vải giấu phía trong, chần 04 đường chỉ chéo.</li> </ul>
23	Túi đựng QT bản (màu vàng)	Cái	20	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu vải: Vải bạt hoặc tương đương</li> <li>- Tiêu chuẩn vải: Thành phần nguyên liệu chính: Coton, Polyester, sợi vải thô, sợi nhân tạo, có khả năng chống nước; trọng lượng ≥ 900 g/m<sup>2</sup>.</li> <li>- Kích thước túi (DxRxC): 950 x 600 x 680 (±10) mm. Vạt phủ xuống 50 mm.</li> <li>- Miệng túi: cạnh dài có 4 tai móc, cạnh ngắn có 3 tai móc. Đáy túi: mỗi góc có 1 tai móc (tai móc bằng chất liệu inox hoặc thép không gỉ)</li> </ul>

TT	Danh mục hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
24	Túi đựng phim (Chất liệu may sẵn phẫu thuật)	Cái	50	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Màu sắc: Màu vàng.</li> <li>- Chất liệu vải: Vải kaki hoặc tương đương</li> <li>- Màu sắc: Màu xanh cỏ vịt</li> <li>- Kiểu dệt: Vân chéo 3/1</li> <li>- Thành phần: nguyên liệu (%): 100% cotton</li> <li>- Khối lượng: <math>296 \pm 5</math> (g/m<sup>2</sup>).</li> <li>- Mật độ: Dọc: <math>450 \pm 5</math>, ngang: <math>216 \pm 5</math>.</li> <li>- Độ bền xé rách: Dọc (N): <math>16,5 \pm 0,5</math>, Ngang (N): <math>22,6 \pm 0,5</math>.</li> <li>- Độ nhỏ sợi tách từ vải: Dọc (Ne): <math>21,3/1 \pm 1</math>; Ngang (Ne): <math>10,2/1 \pm 1</math></li> <li>- Độ bền màu giặt 60°C (cấp): 4</li> <li>- Thay đổi kích thước sau giặt 40°C và làm khô(%): Dọc: -6,5; Ngang: -1,5</li> <li>- Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h</li> <li>- Kích thước, kiểu dáng: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Kích thước: <math>41 \times 50</math> (<math>\pm 2</math>) cm.</li> <li>- Kiểu dáng: Dạng túi đựng.</li> </ul> </li> <li>- Miệng túi: May gấp mép xung quanh, mép vải giấu phía trong, chiều rộng mép gấp: 0,4 cm.</li> <li>- Cạnh túi: May gấp mép xung quanh, mép vải giấu phía trong, chần 02 đường chỉ cách mép cạnh túi 0,4 cm.</li> <li>- In lưới chữ “BỆNH VIỆN QUÂN Y 103” hình vòng cung (ĐK 8cm). Vị trí in ở góc phải sản phẩm.</li> </ul>
25	Túi đựng QT bản (màu xanh tím than)	Cái	49	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu vải: Vải bạt hoặc tương đương</li> <li>- Tiêu chuẩn vải: Thành phần nguyên liệu chính: Cotton, Polyester, sợi vải thô, sợi nhân tạo, có khả năng chống nước; trọng lượng <math>\geq 900</math> g/m<sup>2</sup>.</li> <li>- Kích thước túi (DxRxC): <math>950 \times 600 \times 680</math> (<math>\pm 10</math>) mm. Vạt phủ xuống 50 mm.</li> <li>- Miệng túi: cạnh dài có 4 tai móc, cạnh ngắn có 3 tai móc. Đáy túi: mỗi góc có 1 tai móc (tai móc bằng chất liệu inox hoặc thép không gỉ)</li> <li>- Màu sắc: Màu xanh tím than.</li> </ul>

TT	Danh mục hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
26	Quần áo đặc thù	Bộ	1.302	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu vải: Vải thô hoặc tương đương</li> <li>- Màu sắc: Màu xanh</li> <li>- Kiểu dệt: Vân điểm</li> <li>- Thành phần: nguyên liệu (%): Polyester: 87±1; cotton: 13±1</li> <li>- Khối lượng: 204 ±5 (g/m<sup>2</sup>).</li> <li>- Mật độ: Dọc: 412±5, ngang: 204±5.</li> <li>- Độ bền xé rách: Dọc (N): 37,4±0,5, Ngang (N): 22,9±0,5.</li> <li>- Độ bền kéo đứt: Dọc (N): 1631±2, Ngang (N): 709±2.</li> <li>- Độ nhỏ sợi tách từ vải: Dọc (Ne): 20,0/1±1; Ngang (Ne): 19,8/1±1</li> <li>- Độ bền màu giặt 60<sup>0</sup>C (cấp): 4-5</li> <li>- Thay đổi kích thước sau giặt 60<sup>0</sup>C và làm khô(%) : Dọc: -0,5; Ngang: -0,5</li> <li>- Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h</li> <li>- Kích thước: Cắt may theo cỡ số 2,3,4.</li> <li>- Kiểu dáng: Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT của Bộ Y tế (Áo cổ tim chui đầu, phía trước có 3 túi; quần tây túi chéo, cạp chun 2 bên. mũ, mạng).</li> <li>- In: Đối với khoa lâm sàng: Chỉ in tên Bệnh viện, tên khoa phía trước, trên túi áo ngực và phía sau lưng áo.</li> <li>Đối với buồng can thiệp mạch: Chỉ in "BỆNH VIỆN QUÂN Y 103 VÀ "PHÒNG CAN THIỆP MẠCH" phía trước, trên túi áo ngực và phía sau lưng áo để nâng cao công tác quản lý, sử dụng.</li> </ul>

\* Tổng số: 26 khoản./.